

GIÁO ÁN NGỮ VĂN 8

BÀI 65: CÂU NGHI VẤN

I. MỤC TIÊU: Giúp HS:

- 1. Kiến thức:** Hiểu rõ đặc điểm của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn và các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu nghi vấn là dùng để hỏi.
- 2. Kỹ năng:** HS có kỹ năng dùng câu nghi vấn.
- 3. Thái độ:** HS có ý thức dùng từ, câu chính xác.
- 4. Hình thành năng lực cho HS:** Năng lực sử dụng ngôn ngữ đúng và hay.

II. CHUẨN BỊ: - GV: Soạn GA, bảng phụ; hướng dẫn HS chuẩn bị bài;

- HS: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HS:

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY –TRÒ	NỘI DUNG
*Hoạt động 1: Dẫn dắt vào bài (1’): <i>Mục tiêu:</i> Tạo tâm thế học tập, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới:	Trong đời sống thường ngày, các em vẫn gặp kiểu câu dùng để hỏi. Bài học hôm nay các em sẽ tìm hiểu về kiểu câu này.

*** Hoạt động 2: Hình thành kiến thức cho HS:**

Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm hình thức, chức năng và cách dùng kiểu câu ngghi vắn.

***HD tìm hiểu mục I (19’):**

- Cho HS đọc các VD – SGK.
- GV? Dựa vào kiến thức tiểu học, hãy chỉ ra các câu nghi vắn trong VD đã cho.
- GV dùng bảng phụ ghi những câu nghi vắn để củng cố câu trả lời của HS.
- GV? Dấu hiệu hình thức nào cho biết đó là câu nghi vắn?
- GV? Các từ nghi vắn thường là những từ nào đã học? (Đại từ để hỏi và tình thái từ nghi vắn).
- GV? Câu nghi vắn có chức năng chính là để làm gì?
- GV? Hãy đặt một số câu nghi vắn khác ngoài SGK.
- GV? Hãy cho ví dụ một số câu có hình thức câu nghi vắn nhưng không phải dùng để hỏi.
- HS **Thảo luận nhóm**, trả lời, GV nhận xét.

I. Đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vắn:

1. Xét các câu trong đoạn văn:

a. Các câu nghi vắn:

- Sáng ngày người ta đâm u có đau không?
- Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai? Hay là u thương chúng con đói quá?

=> Câu nghi vắn có các từ nghi vắn: không, sao, đâu, bao nhiêu, à, ư, hử, chứ,..., thường kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

b. Chức năng chính: Câu nghi vắn dùng để hỏi.

2. Ghi nhớ: (SGK – tr 11)

*** Hoạt động 3: Hướng dẫn luyện tập (25’):**

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức lí thuyết để làm được BT, từ đó hình thành năng lực dùng từ cho mình.

- GV yêu cầu HS lên bảng làm BT; HS khác nhận xét; GV chốt.

1. BT 1: Xác định câu nghi vấn và đặc điểm hình thức của nó:

a. Chị khát tiền sưu đến chiều mai phải không?

b. Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế?

c. Văn là gì?; Chương là gì?

d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?; Đùa trò gì?; Cái gì thế?; Chị Cốc ...đấy hả?

-> Câu có chứa các từ nghi vấn và dấu chấm hỏi ở cuối câu.

2. BT 2: a. Căn cứ để xác định câu nghi vấn:

- Về hình thức: Có chứa các từ để hỏi.

- Về công dụng: dùng để hỏi.

b. Không thể thay từ “hay” bằng từ “hoặc” vì nếu thay như vậy thì ý nghĩa của

II. Luyện tập:

câu sẽ thay đổi. -> Không còn là câu hỏi.

3. BT 3: Không thể đặt dấu chấm hỏi cuối những câu đã cho vì đó không phải là những câu nghi vấn.

4. BT 4: Phân biệt ý nghĩa:

- Câu a. Hỏi trong trường hợp người hỏi chưa biết rõ người được hỏi có khỏe hay không khỏe.

- Câu b. Hỏi trong trường hợp người hỏi biết rõ người được hỏi đã hoặc đang bị bệnh.

5. BT 5: Khác nhau: - **Về hình thức:** Khác nhau về trật tự từ.

- **Về ý nghĩa:** Câu a hỏi khi chưa đi, b hỏi khi anh đã đi rồi.

6. BT 6: - Câu a đúng vì chưa biết chiếc xe nặng bao nhiêu.

- Câu b sai vì chưa biết rõ chiếc xe giá bao nhiêu thì không thể biết nó “rẻ thế” được.